

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/09/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Định;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992;

HKTT: Thôn Đ, Xã T, Huyện L, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, Xã T, Huyện L, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh Vũ Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 17/09/2012 tại UBND Xã T, Huyện L, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn thì anh H đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan đến nay chưa về. Trong thời gian đi lao động, anh H không gửi tiền về chăm lo cho gia đình, con cái; tất

cả công việc gia đình một mình chị T lo liệu. Chị T đã nhiều lần khuyên anh H về nước nH không được. Từ gần một năm nay, Chị T và anh H đã không còn liên lạc với nhau và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H để hai bên ổn định cuộc sống. Về địa chỉ của anh H tại Đài Loan, chị T không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T, anh H có 01 con chung là Vũ Hoàng P (sinh ngày 12/06/2013). Hiện nay, cháu Phong đang ở cùng chị Nguyễn Thị T. Chị T đề nghị Tòa án cho chị được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Vũ Hoàng P là con chung của chị T và anh H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2020, cháu Phong trình bày có nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T vì cháu đang sinh sống ổn định với mẹ và bà ngoại.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Vũ Văn S là bố của anh Vũ Văn H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/05/2020, ông Sông trình bày: Anh H và chị T kết hôn từ ngày 17/09/2012. Hiện nay, anh H đang lao động tại Đài Loan. Anh H đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi và anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa căng thẳng do đó không đồng ý ly hôn với chị T. Nếu chị T cố tình đơn phương ly hôn thì anh H cũng không níu giữ. Tuy nhiên, anh H yêu cầu trước khi ly hôn, chị T phải kê khai tài sản vợ chồng mà anh H đã gửi cho chị T giữ trong 04 năm đi lao động nước ngoài. Số tiền được bao nhiêu phải kê khai rõ, để lại hết cho con trai là Vũ Hoàng P và gửi ngân hàng đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi. Số tiền gửi ngân hàng sẽ do ông bà nội là ông Vũ Văn S và bà Phạm Thị K cất giữ. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/07/2020, ông Sông xác định anh H không có ý kiến, không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung và đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và con chung. Do anh H không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan nên ông không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 1275/QLXNC-P5 ngày 31/01/2020 thể hiện: Anh Vũ Văn H, sinh ngày 04/09/1991 tại Hải Dương, CMND số: 142479752, địa chỉ thường trú tại: Xã T, huyện L, Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số B7425826 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 30/01/2013, để xuất cảnh lần gần nhất ngày 29/09/2015 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương xác định do thời hạn chuẩn bị xét xử chưa hết nên đề nghị HĐXX cần tiếp tục yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ, hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vũ Văn H, là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Do đó, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nH không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 17/09/2012 tại UBND Xã T, Huyện L, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh H đi xuất khẩu lao động bên Đài Loan đến nay chưa về. Trong thời gian đi lao động, anh H không gửi tiền về; không quan tâm, chăm lo cho gia đình, con cái. Chị T và anh H không còn liên lạc với nhau và xác định tình cảm vợ chồng không còn. HĐXX xét thấy hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Chị T, anh H có 01 con chung là Vũ Hoàng P (sinh ngày 12/06/2013). Hiện nay, cháu Phong đang ở cùng chị Nguyễn Thị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, con chung

do chị T chăm sóc. Xét thấy, chị T có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau này anh H về Việt Nam sinh sống có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định. Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên việc cấp dưỡng Tòa án không giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ dụng khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 235, Điều 273, Điều 464, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Hoàng P (sinh ngày 12/06/2013) đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Vũ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0000763 ngày 02/01/2020. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND Xã T, Huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Liên

Phạm Công Định

Vũ Thành Tuấn